

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo Trình độ Cao đẳng
Nghề Công nghệ ô tô

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18 tháng 08 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc ĐHTN;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/BLĐTBXH, ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; Tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ kết quả thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô - Trình độ cao đẳng ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Trình độ Cao đẳng Nghề Công nghệ ô tô - Mã nghề: 6510216.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng Phòng ĐT-QLKH&HTQT, Trưởng Khoa Công nghệ Ô tô, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. ĐT-QLKH&HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Văn Bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-CDKTKT-ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

Ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm.

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng là ngành, nghề học tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác nhau như: Cơ học, cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa, tin học, an toàn..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa. Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân thực hành về Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- Giải thích được bản vẽ kỹ thuật, kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;

- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được phương pháp quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô; nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

*** Kỹ năng:**

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
 - Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
 - Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;
 - Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô;
 - Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;
 - Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;
 - Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;
 - Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
 - Thực hiện tốt các nội dung 5S;
 - Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
 - Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
 - Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;
 - Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- * Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
 - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
 - Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;
- Kiểm định ô tô;
- Quản lý bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đại lý bán, bảo hành ô tô;
- Quản lý gara ô tô, trung tâm bảo hành - sửa chữa ô tô.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 2.475 giờ/105 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ/19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2.040 giờ/86 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 783 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.572 giờ

5. Tổng hợp năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản	
1	NLCB – 01	Giao tiếp cơ bản
2	NLCB – 02	Chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước
3	NLCB – 03	Triển khai công tác quốc phòng, an ninh ở địa phương
4	NLCB – 04	Rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực
5	NLCB – 05	Sử dụng máy tính, mạng internet
6	NLCB – 06	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cấp độ 2/6
7	NLCB – 07	Làm việc nhóm

II	Năng lực cốt lõi	
8	NLCL – 01	Vận hành được máy hàn điện và thực hiện hàn được một số mối hàn cơ bản
9	NLCL – 02	Sử dụng được một số thiết bị, dụng cụ nguội để gia công, sửa chữa các chi tiết trong ngành, nghề Công nghệ ô tô
10	NLCL – 03	Nhận biết được các bộ phận, cơ cấu, hệ thống trong ô tô
11	NLCL – 04	Đọc được các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển, các ký hiệu linh kiện, chi tiết trên ô tô.
12	NLCL – 05	Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô
13	NLCL – 06	Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô
14	NLCL – 07	Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô
15	NLCL – 08	Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô
16	NLCL – 09	Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô
17	NLCL – 10	Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô
18	NLCL – 11	Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động
19	NLCL – 12	Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo
20	NLCL – 13	Thực hiện tốt các nội dung 5S
III	Năng lực nâng cao	
21	NLNC – 01	Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô
22	NLNC – 02	Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp
23	NLNC – 03	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
24	NLNC – 04	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
25	NLNC – 05	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
26	NLNC – 06	Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	154	254	27
ENG121	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
ENG122	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
GIF131	Tin học	3	75	15	57	3
POL131	Giáo dục chính trị 1	3	45	26	15	4
POL122	Giáo dục chính trị 2	2	30	13	14	3
LAW121	Pháp luật	2	30	17	10	3
MIE131	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	34	5
PHE121	Giáo dục thể chất	2	60	5	52	3
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	86	2040	629	1318	93
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	495	164	307	24
MAS231	Vật liệu học	3	45	41	0	4
ATT231	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	3	60	26	30	4
TED231	Vẽ kỹ thuật	3	60	26	30	4
LAS231	An toàn lao động	3	45	41	0	4
BWP231	Thực hành hàn cơ bản	3	75	15	56	4
BCP231	Thực hành nguội cơ bản	3	75	15	56	4
AUT231	Thực tập trải nghiệm tại Doanh nghiệp	3	135	0	135	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	40	930	270	611	49
ERT341	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	4	75	45	26	4
RCE351	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	5	105	45	56	4
RSG331	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu phân phối khí	3	75	15	56	4
RLC331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	15	56	4
RGS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hoà khí	3	75	15	56	4

RDS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	75	15	56	4
MSS321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cung cấp điện	2	45	15	27	3
MIS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống khởi động, đánh lửa	3	75	15	56	4
MSL321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống chiếu sáng, tín hiệu	2	45	15	27	3
RTS341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	30	56	4
RSM321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển di chuyển	2	45	15	27	3
RSS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	75	15	56	4
RBS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	75	15	56	4
II.3	Môn học, mô đun nâng cao	25	615	195	400	20
ATM341	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động	4	75	45	26	4
REG341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	4	90	30	56	4
FEP341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên ô tô	4	75	45	26	4
ATD351	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	5	105	45	56	4
ATE341	Kỹ thuật kiểm định ô tô	4	90	30	56	4
AUT441	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	4	180	0	180	0
Tổng cộng		105	2475	783	1572	120

7. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ				
				Tổng số	Trong đó			HK I	HK II	HK III	HK IV	HKV
					LT	TH/BT	Thi/KT					
I	Các môn học chung		19	435	154	254	27	150	120	135	30	0
ENG121	Tiếng Anh 1	Tích hợp	2	60	21	36	3		60			
ENG122	Tiếng Anh 2	Tích hợp	2	60	21	36	3			60		
GIF131	Tin học	Thực hành	3	75	15	57	3	75				
POL131	Giáo dục chính trị 1	Lý thuyết	3	45	26	15	4	45				
POL122	Giáo dục chính trị 2	Lý thuyết	2	30	13	14	3				30	
LAW121	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	17	10	3	30				
MIE131	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Thực hành	3	75	36	34	5			75		
PHE121	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	60	5	52	3		60			
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		86	2040	629	1318	93	360	315	405	510	450
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		21	495	164	307	24	360	135	0	0	0
MEM231	Vật liệu học	Lý thuyết	3	45	41	0	4	45				
ATT231	Dung sai lắp ghép và KT đo lường	Lý thuyết	3	60	26	30	4	60				
TED231	Vẽ kỹ thuật	Lý thuyết	3	60	26	30	4	60				
STL231	An toàn lao động	Lý thuyết	3	45	41	0	4	45				
BAW231	Thực hành hàn cơ bản	Tích hợp	3	75	15	56	4	75				
BAC231	Thực hành nguội cơ bản	Tích hợp	3	75	15	56	4	75				

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ				
				Tổng số	Trong đó			HK I	HK II	HK III	HK IV	HKV
					LT	TH/BT	Thi/KT					
AUT231	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	3	135	0	135	0		135			
II.2	Môn học, mô đun chuyên nghề		40	930	270	611	49	0	180	405	345	180
GAE341	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	Tích hợp	4	75	45	26	4		75			
RCE351	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	Tích hợp	5	105	45	56	4		105			
RSG331	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu phân phối khí	Tích hợp	3	75	15	56	4			75		
RLC331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	Tích hợp	3	75	15	56	4			75		
RGS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	Tích hợp	3	75	15	56	4			75		
RDS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	Tích hợp	3	75	15	56	4			75		
MSS321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cung cấp điện	Tích hợp	2	45	15	27	3			45		
MIS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống khởi động, đánh lửa	Tích hợp	3	75	15	56	4			60	15	
MSL321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống chiếu sáng - tín hiệu	Tích hợp	2	45	15	27	3				45	
RTS341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	Tích hợp	4	90	30	56	4				90	
RSM321	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	Tích hợp	2	45	15	27	3				45	

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ				
				Tổng số	Trong đó			HK I	HK II	HK III	HK IV	HKV
					LT	TH/BT	Thi/KT					
RSS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	Tích hợp	3	75	15	56	4				75	
RBS331	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	Tích hợp	3	75	15	56	4				75	
II.3	Môn học, mô đun nâng cao		25	615	195	400	20	0	0	0	165	270
ATM341	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động	Tích hợp	4	75	45	26	4				75	
REG341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	Tích hợp	4	90	30	56	4				90	
FEP341	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên ô tô	Tích hợp	4	75	45	26	4					75
ATD351	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	Tích hợp	5	105	45	56	4					105
ATE341	Kỹ thuật kiểm định Ô tô	Tích hợp	4	90	30	56	4					90
AUT441	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Tích hợp	4	180	0	180	0					180
	Tổng cộng		105	2475	783	1572	120	510	435	540	540	450

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Công nghệ Ô tô được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ.

8.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Thông tư 01/2024 của Bộ LĐTB&XH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

8.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ

Việc tổ chức thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Quyết định số 312/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (*gọi tắt là Quyết định 312*).

8.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí thăm quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	- Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

8.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Quyết định số 312/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về

việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (*gọi tắt là Quyết định 312*).

8.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH và Quyết định số 312/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật;

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học;

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Văn Bình